

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017200302 - V t li u x ấ y đ ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671041107	36CCĐ4	Hu ấ h T n	An	12/10/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	3.8	2.7	4.2	
2	3671040754	36CCĐ3	VH ấ u ấ n	An	06/01/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
3	3671042011	36CCĐ3	Lê H ầ ng	Anh	20/12/1994				6.0	5.0		5.5	1.7	6.5	4.6	6.2	
4	3671040897	36CCĐ3	Ph m Tu n	Anh	25/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
5	3671041967	36CCĐ4	Tr n Qu c	B o	14/08/1994				7.0	6.0		6.5	2.0	6.3	4.4	6.4	
6	3671040718	36CCĐ3	ấ o ấ L p	C ồ ng	16/07/1993				7.0	4.0		5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	N HP
7	3671040732	36CCĐ3	Nguy n Duy	C ồ ng	27/08/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	6.5	4.6	6.2	
8	3671040911	36CCĐ3	Tr nh Trung	Ch ấ nh	29/07/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
9	3671040670	36CCĐ3	L ² Tr nh Vi t	Ch ầ nh	15/04/1986				6.0	6.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	N HP
10	3671041178	36CCĐ4	Nguy n C ầ ng	Danh	23/08/1993				4.0	4.0		4.0	1.2	2.8	2.0	3.2	
11	3671040965	36CCĐ3	Nguy n Xu ấ n	Đi u	20/04/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
12	3671041140	36CCĐ4	Nguy n Kh ầ nh	Duy	13/04/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
13	3671040714	36CCĐ3	H ồ ng Vi t	Đi ồ ng	07/11/1988				0.0	4.0		2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
14	3671041132	36CCĐ4	Tr n Quang	Đi ồ ng	27/12/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
15	3671041263	36CCĐ4	Phan Anh	ấ o ấ	10/06/1994				6.0	5.0		5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
16	3671041006	36CCĐ3	Nguy n T ấ	ấ ầ ng	11/10/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	6.5	4.6	6.2	
17	3671041950	36CCĐ4	Lê H ồ ng	ấ c	25/03/1994				5.0	7.0		6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
18	3671041496	36CCĐ4	H ồ ng V ấ	ấ c	13/06/1994				6.0	5.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	N HP
19	3671041035	36CCĐ3	Lê C ồ ng	ấ c	06/11/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	5.8	4.1	5.6	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N h c : 2013-2014 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131017200302 - V t li u x^a y đ ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041222	36CCĐ4	Nguy n Ch´	Giàu	26/10/1994				7.0	4.0		5.5	1.7	6.3	4.4	6.1	
21	3671040901	36CCĐ3	Nguy n Ti n	H i	28/03/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	N HP
22	3671040710	36CCĐ3	Nguy n V ã	H i	18/03/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	8.0	5.6	7.1	
23	3671041994	36CCĐ4	Nguy n Ph ¾c	H u	21/06/1994				2.0	5.0		3.5	1.1	6.5	4.6	5.6	
24	3671041141	36CCĐ4	Nguy n V ã	H u	10/07/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	3.8	2.7	3.9	
25	3671041197	36CCĐ4	ñ ng V ã	Hi n	11/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
26	3671041173	36CCĐ4	Nguy n Quang	Hi u	28/03/1994				4.0	7.0		5.5	1.7	5.8	4.1	5.7	
27	3671041475	36CCĐ4	Nguy n Trung	Hi u	11/11/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	2.3	1.6	3.1	
28	3671040881	36CCĐ3	ñ Minh	Hoà	02/01/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
29	3671040832	36CCĐ3	ñ ng Ng c	Hoàng	12/07/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	N HP
30	3671040657	36CCĐ3	Lê Minh	Hoàng	16/12/1994				6.0	6.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
31	3671041087	36CCĐ4	ñ ng Th ì	Hòa	01/06/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
32	3671042030	36CCĐ4	ñ Thanh	Hùng	02/10/1994				6.0	5.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
33	3671041024	36CCĐ3	Tr n ã Ñ g	Hùng	20/05/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
34	3671041079	36CCĐ4	B ị Tu n	Ki t	07/11/1994				0.0	3.0		1.5	0.5	5.0	3.5	4.0	
35	3671040817	36CCĐ3	Hu nh An	Khang	08/07/1994				5.0	8.0		6.5	2.0	8.5	6.0	7.9	
36	3671040694	36CCĐ3	Nguy n Tu n	Khanh	22/12/1994				4.0	7.0		5.5	1.7	6.3	4.4	6.1	
37	3671041003	36CCĐ3	ñ o ã Tu n	Kh i	17/05/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	3.8	2.7	3.7	
38	3671041460	36CCĐ4	Tr n ã c	Khánh	10/05/1994				0.0	4.0		2.0	0.6	6.3	4.4	5.0	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ4 NÑm h c : 2013-2014 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 131017200302 - V t li u xª y d ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041170	36CCĐ4	ñ ng Anh	Khoa	09/03/1992				3.0	4.0		3.5	1.1	2.8	2.0	3.0	
40	3671041080	36CCĐ4	Nguy n VÑh	Khoa	12/12/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	2.5	1.8	2.8	
41	3671041144	36CCĐ4	Nguy n VIO	Linh	12/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
42	3671040910	36CCĐ3	T ng VÑh	Linh	10/09/1993				5.0	4.0		4.5	1.4	3.8	2.7	4.0	
43	3671041213	36CCĐ4	Ki u Phi	Long	10/11/1994				7.0	5.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	N HP
44	3671040975	36CCĐ3	Phan Th	M nh	11/06/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
45	3671040934	36CCĐ3	D ng Thanh	Minh	29/11/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	4.8	3.4	3.4	
46	3671040779	36CCĐ3	V½VÑh	M ng	29/09/1994				7.0	6.0		6.5	2.0	4.3	3.0	5.0	N HP
47	3671041519	36CCĐ4	Tr n VÑh	Nam	31/08/1994				3.0	6.0		4.5	1.4	3.3	2.3	3.7	
48	3671040791	36CCĐ3	Nguy n VÑh	Ngân	11/07/1994				4.0	8.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
49	3671041209	36CCĐ4	Bùi Quang	Nhã	20/07/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
50	3671040999	36CCĐ3	Huunh Duy	Nh t	10/02/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	8.0	5.6	7.3	
51	3671040995	36CCĐ3	Bçi Tu n	Nh n	10/05/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	4.8	3.4	5.3	
52	3671042012	36CCĐ4	Ph m VÑh	Pháp	15/10/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
53	3671041073	36CCĐ4	L² VÑh	Phú	14/08/1994				7.0	7.0		7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
54	3671041984	36CCĐ4	Ng» H u Thi²n	Ph ng	04/12/1994				6.0	6.0		6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
55	3671041028	36CCĐ3	Nguy n ã nh	Ph ng	01/05/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
56	3671040770	36CCĐ3	Nguy n ã c	Ph ng	28/02/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	3.8	2.7	4.6	
57	3671041053	36CCĐ4	Ngô Minh	Quang	25/02/1993				7.0	5.0		6.0	1.8	9.0	6.3	8.1	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017200302 - V t li u x ấ y đ ng H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3671041966	36CCĐ3	ấ ng Tr ng	Qu ấ n	14/09/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	3.5	2.5	4.1	
59	3671041036	36CCĐ4	L ² Th	Qu ấ y	1994				3.0	6.0		4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	
60	3671040767	36CCĐ3	Hu ấ nh	R ấ n	17/03/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	5.8	4.1	5.6	
61	3671040715	36CCĐ3	Phan V ấ	Sang	11/06/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	5.8	4.1	6.0	
62	3671040796	36CCĐ3	V ấ Tr ng	Sinh	01/04/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
63	3671041293	36CCĐ4	Lê Minh	T ấ n	26/07/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
64	3671041103	36CCĐ4	ấ ấ Thi ² n	T n	05/08/1992				6.0	3.0		4.5	1.4	8.0	5.6	7.0	
65	3671042048	36CCĐ4	L ² V ấ	Ti n	28/01/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	4.8	3.4	5.3	
66	3671041533	36CCĐ4	Ng ấ V ấ	Ti p	06/02/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	9.0	6.3	8.4	
67	3671040971	36CCĐ3	Hu ấ nh Minh	To ấ n	06/07/1992				4.0	5.0		4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	
68	3671041208	36CCĐ4	Nguy n H ng	To ấ n	26/11/1992				4.0	6.0		5.0	1.5	2.8	2.0	3.5	
69	3671041192	36CCĐ4	Nguy n H u	To ấ n	04/08/1993				0.0	7.0		3.5	1.1	4.8	3.4	4.4	
70	3671041106	36CCĐ4	Nguy n Tr ng	To ấ n	17/01/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	6.5	4.6	5.5	
71	3671041983	36CCĐ3	Tr ấ nh V ấ	To ấ n	06/01/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	6.3	4.4	5.5	
72	3671040683	36CCĐ3	Ph m Qui	T ồ ng	04/10/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
73	3671040773	36CCĐ3	ấ o ấ C ấ ng	Tu n	24/08/1994				4.0	7.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
74	3671040660	36CCĐ3	Hà Minh	Tu n	12/03/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
75	3671040746	36CCĐ3	Nguy n Anh	Tu n	20/08/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
76	3671041202	36CCĐ4	Phan S	Tú	28/02/1994				5.0	7.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ n h c : 2013-2014 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017200302 - V t li u x ấ y đ ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3671041078	36CCĐ4	Nguy n V ấ Nh Túc	1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
78	3671041171	36CCĐ4	VH L ấ C ấ ng Thành	26/09/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
79	3671040113	36CCĐ3	L ấ Th Ng c Th o	01/10/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
80	3671041180	36CCĐ4	L ấ Chi n Th ng	26/11/1994				5.0	0.0		2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
81	3671042027	36CCĐ3	Phùng Minh Th	10/08/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	5.3	3.7	5.7	
82	3671040907	36CCĐ3	Hà Thanh Th i	06/06/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
83	3671040757	36CCĐ3	Nguy n Huy Tr ng	03/03/1994				3.0	7.0		5.0	1.5	3.8	2.7	4.2	
84	3671040745	36CCĐ3	Nguy n Kim Tr ng	01/10/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	5.3	3.7	6.0	
85	3671041139	36CCĐ4	Nguy n Th ấ nh Tr ng	02/07/1994				7.0	6.0		6.5	2.0	6.8	4.8	6.7	
86	3671040658	36CCĐ3	Nguy n Tr n V ấ Nh	12/09/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
87	3571010184	36CCĐ3	Nguy n Th ấ ĩ V ấ n	04/02/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	6.5	4.6	6.2	
88	3671040950	36CCĐ3	Nguy n Anh Vĩ t	25/12/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	2.8	2.0	3.5	
89	3671040890	36CCĐ3	Lê Xuân Vinh	18/01/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	3.8	2.7	4.3	
90	3671040743	36CCĐ3	Ph m V ấ Nh V ấ O	23/05/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	3.8	2.7	4.6	

T ng s : 90 h c sinh sinh vĩ ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ấ o Vĩ ấ n B M ấ n Gi ấ o V Khoa